BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành: **QUẢN LÝ GIÁO DỤC**
Mã số: **8 14 01 14**

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục sau khi điều chỉnh, cập nhật ban hành kèm theo Quyết định số……/QĐ - HVQLGD ngày tháng 6 năm 2022 của Giám đốc Học viện Quản lý Giáo dục.

Hà Nội - 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành: **QUẢN LÝ GIÁO DỤC**
Mã số: **8 14 01 14**

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục sau khi điều chỉnh, cập nhật ban hành kèm theo Quyết định số……/QĐ - HVQLGD ngày tháng 6 năm 2022 của Giám đốc Học viện Quản lý Giáo dục.

Hà Nội - 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Số: 643/QĐ-HVQLGD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục theo định hướng nghiên cứu được điều chỉnh, cập nhật năm 2022

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Căn cứ Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Quản lý Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-HVQLGD ngày 30/12/2020 của Giám đốc Học viện Quản lý giáo dục về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 616/QĐ-HVQLGD ngày 23/6/2022 của Giám đốc Học viện Quản lý giáo dục về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 680/QĐ-HVQLGD ngày 18/7/2019 của Giám đốc Học viện Quản lý giáo dục về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục sau khi điều chỉnh, cập nhật;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục sau khi điều chỉnh, cập nhật ngày 14/6/2022; Thông qua kết quả ý kiến tư vấn Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 28/6/2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học và Trưởng khoa Quản lý,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục theo định hướng nghiên cứu được điều chỉnh, cập nhật năm 2022 trên cơ sở chương trình đào tạo hiện hành của Học viện Quản lý giáo dục. Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, chương trình đào tạo được áp dụng cho các khóa tuyển sinh năm 2022 ngành Quản lý giáo dục trình độ thạc sĩ.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng Khoa Quản lý, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VP, P.ĐTSĐH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

PGS.TS Trần Hữu Hoan

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
Ngành: QUẢN LÝ GIÁO DỤC
Mã số: 8 14 01 14

(Ban hành kèm theo Quyết định số / QĐ- HVQLGD, ngày tháng năm 2022 của Giám đốc Học viện Quản lý Giáo dục)

PHẦN I: GIỚI THIỆU NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về ngành đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
  + Tên tiếng Việt: **Quản lý Giáo dục**
  + Tên tiếng Anh: **Education Management**
- Mã số ngành đào tạo: **8 14 01 14**
- Tên nhóm ngành đào tạo:
  + Tên tiếng Việt: **Khoa học giáo dục và Đào tạo giáo viên**
  + Tên tiếng Anh: **Educational Science and Teacher training**
- Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ.**
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
  + Tên tiếng Việt: **Thạc sĩ Quản lý giáo dục**
  + Tên tiếng Anh: **The Degree of Master in Education Management**
- Đơn vị đào tạo: **Học viện Quản lý Giáo dục.**
- Loại chương trình đào tạo: **Định hướng nghiên cứu**.

1.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, có năng lực quản lý giáo dục và nghiên cứu về khoa học quản lý giáo dục, giải quyết được các vấn đề thực tiễn giáo dục, quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục, tổ chức giáo dục.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu, hiện đại về khoa học giáo dục nói chung và khoa học quản lý giáo dục nói riêng. Chương trình nhằm rèn luyện cho người học những kỹ năng quản lý các lĩnh vực hoạt động của một cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân:

quản lý nhân sự, quản lý tài sản - tài chính, quản lý chất lượng giáo dục, quản lý phát triển chương trình giáo dục, quản lý sự thay đổi trong giáo dục, quản lý văn hóa tổ chức nhà trường... Đồng thời, chương trình rèn luyện người học năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục.

1.3. Thông tin tuyển sinh

1.3.1. Hình thức tuyển sinh

Tổ chức thi tuyển với các môn thi sau:

- Môn thi Cơ bản: **Giáo dục học**
- Môn thi Chủ chốt: **Khoa học quản lý**
- Điều kiện: **Tiếng Anh**

Đạt bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Yêu cầu cụ thể được quy định trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của Học viện Quản lý giáo dục.

1.3.2. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

- Đối tượng dự thi

+ Cán bộ quản lý, chuyên viên, giáo viên, giảng viên công tác tại cơ sở giáo dục đào tạo, cơ quan quản lý giáo dục và tổ chức giáo dục.

+ Cán bộ quản lý, chuyên viên công tác tại các cơ quan, tổ chức liên quan đến giáo dục và đào tạo…

- Về văn bằng, chứng chỉ

+ Người đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) đúng ngành Quản lý giáo dục, ngành phù hợp đạt loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp hoặc có ít nhất 01 bài báo khoa học liên quan đến lĩnh vực/ngành sẽ học tập đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành trước khi dự tuyển.

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản lý giáo dục được miễn học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

- Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm công tác liên quan tới lĩnh vực giáo dục (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi, có xác nhận của cơ quan công tác).

- Các điều kiện khác

+ Có lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

+ Có đủ sức khỏe để học tập;

+ Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời gian quy định của Học viện.

- Đối tượng và chính sách ưu tiên: Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.4. Danh mục ngành phù hợp với ngành đào tạo

- Ngành đúng: *Quản lý giáo dục*
- Ngành phù hợp*: Các ngành thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên. Căn cứ theo Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*
- *Các trường hợp tốt nghiệp ở trường đại học của nước ngoài hoặc liên kết với nước ngoài và đặc biệt khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định;*

1.5. Chương trình bổ sung kiến thức

Đối tượng có bằng đại học ngành phù hợp học bổ sung kiến thức các học phần sau:

Chương trình bổ sung kiến thức gồm **5 học phần, 10 tín chỉ**

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ
1	FOS 7001	Lịch sử giáo dục Việt Nam	2
2	PSY 7001	Giáo dục học đại cương	2
3	MAG 7001	Nhập môn khoa học quản lý	2
4	MAG 7002	Hệ thống giáo dục quốc dân	2
5	MAG 7003	Quản lý nhà nước về GD và ĐT	2

* Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp đã học các học phần bổ sung kiến thức theo Chương trình đào tạo ban hành tại Quyết định số 680/QĐ-HVQLGD ngày 18/7/2019 của Giám đốc Học viện Quản lý giáo dục có hiệu lực tương đương các học phần tại mục 1.5 tới hết 31/12/2022.

1.6. Thời gian đào tạo: Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Quản lý Giáo dục.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn về kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản của Triết học Mác - Lênin để hình thành phương pháp luận biện chứng, thể hiện trong tầm nhìn, cách tiếp cận và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý, quản lý giáo dục.

- Đạt năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4, khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ GD và ĐT).

2.1.2. Kiến thức cơ sở

- Vận dụng được một số lý thuyết về khoa học tổ chức, lãnh đạo, lý luận quản lý hiện đại cũng như các kỹ thuật trong quản lý giáo dục;
- Vận dụng được những kiến thức cơ bản trong tâm lý học quản lý vào việc ra các quyết định liên quan tới tổ chức và quản lý các hoạt động trong cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục, tổ chức giáo dục;
- Vận dụng được kiến thức cơ bản về quản trị chiến lược trong giáo dục vào việc xây dựng kế hoạch chiến lược trung hạn, tác nghiệp ở cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục;
- Vận dụng kiến thức chuyên ngành vào phát triển văn hóa lãnh đạo trong quản lý cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục, tổ chức giáo dục;
- Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, thống kê trong giáo dục vào lựa chọn, tổ chức triển khai một vấn đề nghiên cứu về giáo dục và quản lý giáo dục.

2.1.3. Kiến thức ngành

- Vận dụng được lí thuyết về phát triển chương trình giáo dục để xây dựng và quản lý chương trình giáo dục trong trường, đánh giá và điều chỉnh chương trình giáo dục một cách hiệu quả, phù hợp với đối tượng người học và điều kiện kinh tế xã hội của địa phương;
- Vận dụng được những kiến thức về quản lý nguồn nhân lực, quản lý nhân sự theo chuẩn vào quản lý nhà trường, cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục.
- Áp dụng được kiến thức vào quản lý hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá trong theo tiếp cận năng lực của người học;
- Vận dụng thành thục những kiến thức về quản lý tài chính, tài sản trong giáo dục, cơ sở giáo dục;
- Vận dụng kiến thức đã học vào quản lý chất lượng, kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng;
- Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng và quản lý dự án đầu tư trong giáo dục;
- Vận dụng được kiến thức về khoa học quản lý trong xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra trong cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý GD;

- Vận dụng được kiến thức về khoa học quản lý, lý thuyết quản lí rủi ro vào giải quyết được tình huống khẩn cấp trong giáo dục trong bối cảnh đổi mới và hội nhập;
- Vận dụng lí thuyết ra quyết định trong vào việc giải quyết tình huống và ra quyết định phù hợp;
- Vận dụng kiến thức ngành đã học vào phát triển mối quan hệ với công đồng xã hội, gia đình và người học;
- Vận dụng kiến thức, kinh nghiệm quản lý vào nghiên cứu thực tiễn một vấn đề quản lý hoạt động trong giáo dục.

2.1.4. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chuyên ngành đào tạo và đề xuất những sáng kiến, giải pháp thay đổi;
- Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt, chỉ đạo chuyên môn;
- Giải quyết và đưa ra được những kết luận có tính khoa học về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý;
- Có khả năng xây dựng, chỉ đạo thực hiện và thẩm định đánh giá cải tiến kế hoạch trung hạn và ngắn hạn của nhà trường;
- Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao;
- Sau khi tốt nghiệp chương trình học viên có đủ điều kiện và khả năng để tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ trong hệ thống giáo dục quốc gia, quốc tế.

2.2. Chuẩn về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

Chương trình rèn luyện, đào tạo người học có được kỹ năng:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược trung hạn và các kế hoạch tác nghiệp phát triển nhà trường, cơ quan, tổ chức giáo dục;
- Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong quá trình quản lý cơ sở giáo dục, hoạt động giáo dục;
- Phát triển chương trình giáo dục nhà trường và quản lí hoạt động giáo dục, dạy học trong nhà trường;
- Quản lý quá trình dạy học và đánh giá theo tiếp cận năng lực;
- Quản trị nhân sự theo vị trí việc làm, theo chuẩn trong một cơ sở giáo dục được tự chủ về tổ chức;

- Quản trị chất lượng giáo dục trường phổ thông theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng;
- Quản lý tài chính trong cơ sở giáo dục phổ thông được tự chủ về tài chính;
- Xây dựng kế hoạch, quản lí dự án đầu tư cho cơ sở giáo dục phổ thông;
- Ứng dụng được công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong quản lý nhà trường;

2.2.2. Kỹ năng cá nhân

- Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường, trao đổi công việc và tự học nâng cao năng lực quản lý chuyên môn và nghiệp vụ;

- Giao tiếp hiệu quả và tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp với các thành viên trong nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục và với các bên liên quan;

- Lắng nghe, đàm phán, thuyết phục;

- Thích ứng với những thay đổi;

- Quản lý thời gian hiệu quả;

- Tự đánh giá được điểm mạnh và điểm yếu trên cơ sở đối chiếu các yêu cầu của nghề nghiệp và yêu cầu thực tiễn với phẩm chất, năng lực của bản thân để tự học, tự bồi dưỡng khắc phục điểm yếu.

2.3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức

- Có phẩm chất đạo đức, ý thức chính trị và ý thức xã hội, chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước;

- Minh bạch và công bằng mối quan hệ trong và ngoài nhà trường;

- Ứng xử tốt, thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp, người học và các bên liên quan theo những tiêu chuẩn về phẩm chất, đạo đức và nhân cách của người làm trong ngành giáo dục;

- Sẵn sàng tham gia các hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng.

2.4. Chuẩn về năng lực

- Đảm nhiệm công tác quản lí tại các tổ chức, cơ quan quản lý giáo dục, tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu giáo dục;

- Đảm nhiệm được công tác quản lý từ cấp tổ chuyên môn, khoa, phòng ban chức năng trong cơ sở giáo dục, nhà trường;

- Hướng dẫn hoặc chủ trì được các đề tài nghiên cứu về khoa học giáo dục, liên quan đến lĩnh vực quản lý;

- Nghiên cứu, phát hiện và giải quyết được các tình huống điển hình trong quản lý cơ sở giáo dục, hoạt động của cơ sở giáo dục.

2.5. Yêu cầu đối với luận văn tốt nghiệp

- Vận dụng tổng hợp các kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành để thực hiện tốt luận văn tốt nghiệp như: Xác định được hướng đề tài nghiên

cứu phù hợp, phương pháp luận nghiên cứu vững vàng, triển khai có hiệu quả quá trình nghiên cứu, khẳng định được giá trị thực tiễn và khả thi của đề tài luận văn tốt nghiệp;

- Là công trình nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến lãnh đạo, quản lý cơ sở giáo dục, quản lý các hoạt động trong giáo dục, cơ sở giáo dục;

- Là công trình nghiên cứu độc lập của học viên, nội dung nghiên cứu đề cập và giải quyết trọn vẹn một lĩnh vực hoạt động trong trường phổ thông, vấn đề về quản trị cơ sở giáo dục;

- Luận văn được trình bày đúng mạch lạc, rõ ràng, đảm bảo về dung lượng, cấu trúc phù hợp theo quy định trong Quy chế đào tạo thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và qui định về luận văn của cơ sở đào tạo.

2.6. Vị trí công tác có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Công tác quản lý các cấp tại các thiết chế giáo dục, các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ quan quản lý giáo dục, tổ chức liên quan đến giáo dục và đào tạo;

- Công tác xây dựng các dự án giáo dục trong và ngoài nước;

- Công tác quản lý và điều hành các dự án giáo dục;

- Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, khoa học QLGD;

- Giảng dạy trong các cơ sở GDĐH và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng CBQL;

- Nghiên cứu viên trong viện nghiên cứu về giáo dục và quản lý giáo dục;

- Làm việc trong các cơ quan truyền thông về giáo dục và quản lý giáo dục.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích luỹ là **60 tín chỉ**, trong đó:

- Khối kiến thức chung	**: 7** tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở ngành	**: 14** tín chỉ
+ Học phần bắt buộc	*: 10*
+ Học phần tự chọn (4/12)	*: 4*
- Khối kiến thức chuyên ngành	**: 24** tín chỉ
+ Học phần bắt buộc	*: 18*
+ Học phần tự chọn (6/16)	*: 6*
- Nghiên cứu thực tiễn quản lý giáo dục	: **03** tín chỉ
- Khối kiến thức tốt nghiệp	
+ Luận văn	*: 12 tín chỉ*
Tổng số:	**: 60 tín chỉ**

3.2. Chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ (LT/ThH/TH) (Lý thuyết, Th hành, Tự học)			Mã số các học phần tiên quyết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(6)
I.	**Khối kiến thức chung**		**7**				
1	FOS 8001	Triết học *Philosophy*	4	35	15	10	
2	FLA 8001	Tiếng Anh cơ bản *(Ngoại ngữ cơ bản: Basic Foreign Language* *Chọn 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức)*	3	27	12	6	
II.	**Khối kiến thức cơ sở ngành**		**20**				
II.1.	***Học phần bắt buộc***		***14***				
3	PSY 8001	Tâm lý học lãnh đạo, quản lý *Psychology in Leadership and Management*	**2**	20	8	2	FOS 8001
4	MAG 8001	Khoa học tổ chức và quản lý	**2**	20	8	2	PSY 8001

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ (LT/ThH/TH) (Lý thuyết, Th hành, Tự học)			Mã số các học phần tiên quyết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(6)
		Theory of Organization and Management					
5	MAG 8002	Quản trị chiến lược giáo dục *Management of educational strategies*	**2**	20	8	2	PSY 8001
6	MAG 8003	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục *Research Methodology in Education / Educational research / Research methods in education*	**2**	20	8	2	MAG 8001
7	FLA 8002	Tiếng Anh chuyên ngành *Academic English (for Educational Management)* *English for specific purposes*	**2**	20	8	2	FLA 8001
II.2	***Học phần tự chọn (chọn 4/12 tín chỉ)***		***4/12***				
8	MAG 8004	Pháp luật về giáo dục *State regulation of Education / Education law*	**2**	20	8	2	PSY 8001, MAG 8001
9	MAG 8005	Xã hội học giáo dục *ociology of Education*	**2**	20	8	2	PSY 8001, MAG 8001

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ (LT/ThH/TH) (Lý thuyết, Th hành, Tự học)			Mã số các học phần tiên quyết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(6)
10	MAG 8006	Kinh tế học giáo dục *Economics in Education*	**2**	20	8	2	PSY 8001, MAG 8001
11	MAG 8007	Bình đẳng trong giáo dục *Equity in Education*	**2**	20	8	2	PSY 8001, MAG 8001
12	MAG 8008	Hệ thống thông tin quản lý giáo dục *Information System of Education Management*	**2**	20	8	2	PSY 8001, MAG 8001
13	MAG 8009	Quan hệ công tư trong giáo dục *Public - Private Relation in Education/ Relationships in education/ personal and social relationships in education*	**2**	20	8	2	PSY 8001, MAG 8001
III.	**Khối kiến thức chuyên ngành**		**24**				
III.1.	***Học phần bắt buộc***		***18***				
14	MAG 8010	Lý luận quản lý giáo dục *Theory of Education Management*	**3**	27	12	6	MAG 8001, MAG 8002

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ (LT/ThH/TH) (Lý thuyết, Th hành, Tự học)			Mã số các học phần tiên quyết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(6)
15	MAG 8011	Quản lý nhà trường và cơ sở giáo dục *School Management*	**3**	27	12	6	MAG 8001, MAG 8010
16	MAG 8012	Quản trị nhân sự trong giáo dục *Human resource management in Education*	**2**	20	8	2	MAG 8010, MAG 8011
17	MAG 8013	Quản trị tài chính, tài sản trong giáo dục *FinancialManagement and Property Management in Education*	**2**	25	14	6	MAG 8010, MAG 8011
18	MAG 8014	Quản lý phát triển chương trình giáo dục *Management of Curriculum Development*	**2**	14	10	6	MAG 8010, MAG 8011
19	MAG 8015	Kiểm tra, thanh tra giáo dục *Inspection in Education*	**2**	14	10	6	MAG 8010, MAG 8011
20	MAG 8016	Quản trị chất lượng giáo dục *Quality Management in Education*	**2**	20	8	2	MAG 8010, MAG 8011
21	MAG 8017	Đánh giá trong giáo dục	**2**	20	8	2	MAG 8010, MAG 8011

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ (LT/ThH/TH) (Lý thuyết, Th hành, Tự học)			Mã số các học phần tiên quyết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(6)
		Educational assessment					
III.2.	***Học phần tự chọn (chọn 6 /24 tín chỉ)***		***6/16***				
22	MAG 8018	Xây dựng văn hóa nhà trường *School Culture Development*	**2**	20	8	2	MAG 8010, MAG 8011
23	MAG 8019	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục *Change Management in Education*	**2**	20	8	2	MAG 8010, MAG 8011
24	MAG 8020	Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục *Management of Teaching, Learning and Educational Activiti*	**2**	20	8	2	MAG 8010, MAG 8011
25	MAG 8021	Chính sách giáo dục *Education Policy*	**2**	20	8	2	MAG 8010, MAG 8011
26	MAG 8022	Quản lý đào tạo *Management of academic affairs*	**2**	20	8	2	MAG 8010, MAG 8011
27	MAG 8023	Dự báo giáo dục *Forecasting in Education*	**2**	20	8	2	MAG 8010, MAG 8011

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ (LT/ThH/TH) (Lý thuyết, Th hành, Tự học)			Mã số các học phần tiên quyết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(6)
28	MAG 8024	Xây dựng hệ sinh thái trong giáo dục *Development of Ecology in Education*	**2**	20	8	2	MAG 8010, MAG 8011
29	MAG 8025	Quản trị thương hiệu nhà trường *School brand management*	**2**	20	8	2	MAG 8010, MAG 8011
IV (30)	MAG 8026	**Nghiên cứu thực tiễn quản lý giáo dục** *Practical research in education management*	**3**	5	30	10	
V	**Khối kiến thức tốt nghiệp**		**12**				
31	MAG 8027	Luận văn (Master's thesis)	12				Hoàn thành các học phần và các quy định khác theo quy chế
		Tổng số	**60**				

3.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn đạt yêu cầu;
- Đã nộp lưu chiểu luận văn theo Quy định của Học viện;
- Đạt trình độ ngoại ngữ chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ theo quy định, quy chế;
- Công bố công khai toàn văn luận văn trên Website của Học viện Quản lý giáo dục;
- Hoàn thành các quy định và trách nhiệm khác của học viên theo Quy định của Học viện;
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập;

3. 4. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Học viện Quản lý Giáo dục tổ chức triển khai chương trình đào tạo thạc sĩ theo phương thức đào tạo theo tín chỉ.

Trên cơ sở chương trình đào tạo được phê duyệt; căn cứ thời gian đào tạo chuẩn cho 01 khoá đào tạo thạc sĩ; căn cứ nguyên tắc triển khai đào tạo theo tín chỉ *(hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra – đánh giá ...)*, Học viện Quản lý Giáo dục xác định kế hoạch khoá đào tạo như sau:

- Thời gian đào tạo thạc sĩ là 2 năm và thời gian kéo dài được phép không quá 2 năm (Theo Điều 3 Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành).
- Xây dựng kế hoạch nhân sự và giảng dạy cho từng khóa đào tạo.
- Trên cơ sở kế hoạch nhân sự, xây dựng lịch giảng dạy cho từng đợt học, từng học kỳ.

3. 5. Kế hoạch đào tạo *(Dự kiến cho 01 khóa đào tạo)*

Thời gian	Nội dung công việc trong qui trình đào tạo	Kết quả
Năm thứ 1	- Tổ chức nhập học. - Khai giảng, tổ chức lớp. - Phổ biến qui chế đào tạo, kế hoạch khoá đào tạo, qui định về học tập, KT-ĐG và các qui định khác liên quan. - Tổ chức giảng dạy các học phần thuộc chương trình thạc sĩ.	- Hồ sơ nhập học. - Kế hoạch khóa học và triển khai kế hoạch đào tạo cho học viên. - Học viên hoàn thành học phần và đạt kết quả yêu cầu của các học phần.
Năm thứ 2	- Tiếp tục tổ chức giảng dạy các học phần còn lại trong chương trình *(trong khoảng 3 tháng đầu của năm thứ 2).* - Định hướng đề tài luận văn cho học viên *(tháng thứ 1 của năm thứ 2).* - Tổ chức đánh giá đề cương luận văn cho học viên *(tháng thứ 3 của năm thứ 2).* - Giao đề tài luận văn và cử CBHD khoa học *(tháng thứ 4 của năm 2).* - Học viên triển khai thực hiện luận văn	- Học viên hoàn thành học phần và đạt kết quả yêu cầu của các học phần - Đăng ký đề tài và triển khai thực hiện đề cương luân văn - Báo cáo Đề cương luận văn trước tiểu ban đánh giá đề cương. - Quyết định giao đề tài

Thời gian	Nội dung công việc trong qui trình đào tạo	Kết quả
	(tối thiểu 6 tháng). - Thu luận văn và tổ chức cho học viên bảo vệ luận văn *(2 tháng cuối của năm thứ 2).* - Xét công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ cho học viên hoàn thành các yêu cầu của chương trình đào tạo. - Tổ chức lễ trao bằng thạc sĩ.	cho học viên và CBHD. - Tổ chức các Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ. - Quyết định công nhận học vị, cấp bằng và tổ chức lễ trao bằng.

TÀI LIỆU XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Học viện Quản lý giáo dục (2019), Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục.

2. Bộ GD và ĐT, Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

3. Bộ GD và ĐT, Thông tư 17/2021/TT-BGD ĐT, ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

4. Bộ GD và ĐT, Thông tư 02/2021/TT-BGDĐT, ngày 4 tháng 4 năm 2017 về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành, đình chỉ hoạt động ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

5. Học viện Quản lý giáo dục, Quyết định số 253/QĐ-HVQLGD ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

6. Học viện Quản lý giáo dục (2022), Quyết định số 616/QĐ-HVQLGD ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Quản lý giáo dục.

7. Học viện Quản lý giáo dục, Hướng dẫn số 181/QĐ-HVQLGD ngày 5 tháng 4 năm 2022 về việc xây dựng, điều chỉnh, cập nhật chuẩn chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Học viện Quản lý giáo dục.

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2022

PHÊ DUYỆT CỦA BGĐ	PHÒNG ĐT SAU ĐẠI HỌC	KHOA QUẢN LÝ
	TS. Hà Thanh Hương	TS. Trịnh Văn Cường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành: **QUẢN TRỊ TRƯỜNG PHỔ THÔNG**
Mã số: Thí điểm

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị trường phổ thông sau khi điều chỉnh, cập nhật ban hành kèm theo Quyết định số……/QĐ - HVQLGD ngày tháng 6 năm 2022 của Giám đốc Học viện Quản lý Giáo dục.

Hà Nội - 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành: **QUẢN TRỊ TRƯỜNG PHỔ THÔNG**
Mã số: Thí điểm

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị trường phổ thông sau khi điều chỉnh, cập nhật ban hành kèm theo Quyết định số……../QĐ - HVQLGD ngày tháng 6 năm 2022 của Giám đốc Học viện Quản lý Giáo dục.

Hà Nội - 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Số: 645/QĐ-HVQLGD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị trường phổ thông theo định hướng ứng dụng được điều chỉnh, cập nhật năm 2022

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Căn cứ Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 3/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Quản lý Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-HVQLGD ngày 30/12/2020 của Giám đốc Học viện Quản lý giáo dục về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 616/QĐ-HVQLGD ngày 23/6/2022 của Giám đốc Học viện Quản lý giáo dục về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-HVQLGD ngày 20/5/2021của Giám đốc Học viện Quản lý giáo dục về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị trường phổ thông;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị trường phổ thông sau khi điều chỉnh, cập nhật ngày 14/6/2022; Thông qua kết quả ý kiến tư vấn Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 28/6/2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học và Trưởng khoa Quản lý,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị trường phổ thông theo định hướng ứng dụng được điều chỉnh, cập nhật năm 2022, trên cơ sở chương trình đào tạo hiện hành của Học viện Quản lý giáo dục. Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, chương trình đào tạo được áp dụng cho các khóa tuyển sinh năm 2022 ngành Quản trị trường phổ thông trình độ thạc sĩ.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng Khoa Quản lý, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VP, P.ĐTSĐH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

PGS.TS Trần Hữu Hoan

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
Ngành: QUẢN TRỊ TRƯỜNG PHỔ THÔNG
Mã số: Thí điểm

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- HVQLGD, ngày tháng năm 2022 của Giám đốc Học viện Quản lý Giáo dục)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
Ngành: Quản trị trường phổ thông

Phần 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về ngành đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: **Quản trị trường phổ thông**

+ Tên tiếng Anh: **School Administration**

- Mã số ngành đào tạo: **Thí điểm**

- Tên nhóm ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: **Khoa học giáo dục và Đào tạo giáo viên**

+ Tên tiếng Anh: **Educational Science and Teacher training**

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 1,5 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Thạc sĩ **Quản trị trường phổ thông**

+ Tên tiếng Anh: **Master of Arts in school Administration**

- Loại chương trình đào tạo: **Định hướng ứng dụng**

- Đơn vị đào tạo: Học viện Quản lý Giáo dục

1.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho ngành giáo dục nói chung, các cơ sở giáo dục phổ thông nói riêng. Sau khi tốt nghiệp chương trình, người học có được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo và người lãnh đạo, quản lý nhà trường phổ thông; có năng lực quản trị các hoạt động trong cơ sở giáo dục và năng lực nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục, giải quyết có hiệu quả các vấn đề của thực tiễn giáo dục và quản trị trường phổ thông.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Học xong chương trình, người học có được:

- Kiến thức về giáo dục, quản lý giáo dục và kiến thức khoa học hiện đại về giáo dục, kiến thức chuyên sâu về lãnh đạo, quản trị nhà trường, quản trị các hoạt động trong nhà trường phổ thông;

- Năng lực giải quyết tình huống trong nhà trường, ra quyết định; làm việc nhóm, làm việc độc lập và kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị trường phổ thông.

- Năng lực thích ứng với những đổi mới và phát triển giáo dục Việt Nam và thế giới, với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Có đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực và tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo, quản trị nhà trường; có ảnh hưởng tích cực tới cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông về tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong nhà trường và tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo, quản trị nhà trường.

1.3. Thông tin tuyển sinh

1.3.1. Hình thức tuyển sinh

1) Phương án 1: Thi tuyển sinh với các môn thi sau đây:

+ Môn thi Cơ bản: **Giáo dục học**

+ Môn thi Cơ sở: **Khoa học quản lý**

+ Điều kiện: **Tiếng Anh**

Đạt bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Yêu cầu cụ thể được quy định trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của Học viện Quản lý giáo dục.

*Áp dụng cho mọi đối tượng phù hợp theo quy định;

2) Phương án 2: Đánh giá năng lực theo hồ sơ chuyên môn do Học viện Quản lý giáo dục đề xuất xây dựng.

+ Điều kiện: **Tiếng Anh**

Đạt bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Yêu cầu cụ thể được quy định trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của Học viện Quản lý giáo dục.

*Đối tượng áp dụng phương án này là các cán bộ quản lý trong các trường phổ thông được quy định cụ thể trong Đề án tuyển sinh của Học viện (*nếu có*).

1.3.2. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

- Đối tượng dự thi

+ Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn (hoặc tương đương), cán bộ nguồn qui hoạch CBQL, giáo viên trong cơ sở giáo dục phổ thông, hoặc các thiết chế giáo dục tương đương. Cán bộ văn phòng, công đoàn, phụ trách Đoàn, Đội trong trường phổ thông;

+ Cán bộ, chuyên viên Sở/Phòng Giáo dục và Đào tạo;

+ Cán bộ quản lý giáo dục của các tổ chức đoàn thể, xã hội trong các cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo .

- Về văn bằng, chứng chỉ

+ Người đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp đạt loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp hoặc có ít nhất 01 bài báo khoa học liên quan đến lĩnh vực/ngành sẽ học tập đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành được Hội đồng chức danh giáo sư công nhận, tính điểm trước khi dự tuyển.

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản lý giáo dục được miễn học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp khác phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

- Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp phải có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm công tác liên quan tới lĩnh vực giáo dục (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi, có xác nhận của cơ quan công tác).

- Các điều kiện khác

+ Có lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

+ Có đủ sức khỏe để học tập;

+ Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời gian quy định của Học viện.

- Đối tượng và chính sách ưu tiên: Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.4. Danh mục các ngành phù hợp

- Ngành phù hợp: Các ngành thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên; Căn cứ theo Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các trường hợp tốt nghiệp ở trường đại học của nước ngoài hoặc liên kết với nước ngoài và đặc biệt khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định;

1.5. Chương trình các học phần bổ sung kiến thức

Chương trình bổ sung kiến thức gồm **5 học phần, 10 tín chỉ**

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ
1	FOS 7001	Lịch sử giáo dục Việt Nam	2
2	PSY 7001	Giáo dục học đại cương	2
3	MAG 7001	Nhập môn khoa học quản lý	2
4	MAG 7002	Hệ thống giáo dục quốc dân	2

5	MAG 7003	Quản lý nhà nước về GD và ĐT	2

* Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp đã học các học phần bổ sung kiến thức theo Chương trình đào tạo ban hành tại Quyết định số 680/QĐ-HVQLGD ngày 18/7/2019 của Giám đốc Học viện Quản lý giáo dục có hiệu lực tương đương các học phần tại mục 1.5 tới hết 31/12/2022.

1.6. Thời gian đào tạo: Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Quản lý Giáo dục.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn về kiến thức

2.1.1. Khối kiến thức chung

- Quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế vào nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường.

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản của Triết học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng phương pháp luận biện chứng, thể hiện trong tầm nhìn, cách tiếp cận và giải quyết các vấn đề của thực tiễn giáo dục quản lý giáo dục nói chung, quản trị nhà trường nói riêng.

- Đạt năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4 khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ GD và ĐT).

2.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

- Vận dụng được một số lý thuyết về lãnh đạo, quản lý hiện đại cũng như các kỹ thuật trong quản trị nhà trường;

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản trong tâm lý học quản lý vào việc ra các quyết định liên quan tới tổ chức và quản lý các hoạt động trong cơ sở giáo dục phổ thông;

- Hiểu và áp dụng được lí thuyết về phát triển chương trình giáo dục để xây dựng và quản lý chương trình giáo dục nhà trường; đánh giá và điều chỉnh chương trình giáo dục một cách hiệu quả, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện nguồn lực của nhà trường và kinh tế xã hội của địa phương;

- Vận dụng lí thuyết ra quyết định trong vào việc giải quyết tình huống và ra quyết định phù hợp trong các hoạt động của nhà trường phổ thông.

- Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng và quản lý dự án đầu tư trong nhà trường;

- Hình thành năng lực xây dựng và phát triển văn hóa lãnh đạo trong quản trị tròng phổ thông;

- Quản lý rủi ro và tình trạng khẩn cấp của nhà trường trong bối cảnh đổi mới và hội nhập;

2.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

- Có được năng lực xây dựng được kế hoạch chiến lược trung hạn và các kế hoạch tác nghiệp phát triển nhà trường;

- Áp dụng được phương thức quản trị hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá trong đạy học theo hướng phát triển năng lực của người học;

- Có được năng lực xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực, quản trị nhân sự trong nhà trường theo chuẩn nghề nghiệp;

- Có được năng lực xây dựng kế hoạch quản lí tài chính, tài sản và các hoạt động liên quan;

- Xây dựng được kế hoạch quản trị chất lượng, kiểm định chất lượng theo bộ chuẩn;

- Xây dựng và quản lý dự án đầu tư trong nhà trường;

- Phát triển mối quan hệ với công đồng xã hội, gia đình và người học;

2.1.4. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Học xong chương trình, người học có được:

- Năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành đào tạo và đề xuất những sáng kiến, giải pháp thay đổi;

- Năng lực định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực chỉ đạo chuyên môn;

- Năng lực giải quyết và đưa ra được những kết luận có tính khoa học về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ;

- Năng lực xây dựng, chỉ đạo thực hiện và thẩm định đánh giá cải tiến kế hoạch trung hạn và ngắn hạn của nhà trường;

- Năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong lãnh đạo, quản trị hoạt động chuyên môn; năng lực đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

- Sau khi tốt nghiệp chương trình học viên có đủ điều kiện và khả năng để tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ trong hệ thống giáo dục quốc gia, quốc tế;

- Quản lý, đánh giá và cải tiến trong quản trị nhà trường, quản trị các hoạt động cụ thể trong nhà trường.

2.2. Chuẩn về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học trong quản trị nhà trường nói chung và quản trị trường phổ thông nói riêng;

- Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với đồng nghiệp và với những người khác về quản trị trường phổ thông;

- Kỹ năng tổ chức, quản trị các hoạt động nghề nghiệp ở trường phổ thông.

- Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ thông tin trong lĩnh vực học thuật và phát triển nghề nghiệp và quản trị nhà trường phổ thông.

- Kĩ năng xây dựng và quản lí kế hoạch trung hạn và các kế hoạch tác nghiệp phát triển nhà trường;

- Kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong quá trình quản trị nhà trường;

- Kĩ năng phát triển chương trình giáo dục; quản trị chương trình giáo dục nhà trường;

- Kĩ năng quản trị hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục theo hướng phát triển năng lực người học;

- Kĩ năng quản trị nhân sự theo vị trí việc làm, theo chuẩn nghề nghiệp;

- Kĩ năng quản trị chất lượng giáo dục trường phổ thông theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Kĩ năng quản trị tài chính trong cơ sở giáo dục phổ thông;

- Kỹ năng lập kế hoạch, quản lí dự án đầu tư cho cơ sở giáo dục phổ thông;

- Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong quản trị nhà trường;

2.2.2. Kỹ năng cá nhân

- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường, trao đổi công việc và tự học nâng cao năng lực quản lý chuyên môn và nghiệp vụ;

- Kỹ năng giao tiếp hiệu quả và tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp với các thành viên trong nhà trường;

- Kỹ năng lắng nghe, đàm phán, thuyết phục;

- Kỹ năng thích ứng với những thay đổi;

- Kỹ năng quản lý thời gian;

- Kỹ năng tự đánh giá được điểm mạnh và điểm yếu trên cơ sở đối chiếu các yêu cầu của nghề nghiệp và yêu cầu thực tiễn với phẩm chất, năng lực của bản thân;

- Kỹ năng dự đoán sự phát triển của giáo dục dựa trên phân tích về nhu cầu xã hội, kinh tế chính trị…

2.3. Chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, mức độ tự chủ, trách nhiệm

2.3.1. Về đạo đức nghề nghiệp

- Có phẩm chất đạo đức, ý thức chính trị và ý thức xã hội, chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước;
- Minh bạch và công bằng trong các mối quan hệ trong và ngoài nhà trường;

- Ứng xử tốt, thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp theo chuẩn mực về phẩm chất, đạo đức và nhân cách của người làm trong ngành giáo dục;
- Sẵn sàng tham gia các hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng.

2.3.2. Về mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm

- Nghiên cứu đề xuất những sáng kiến quan trọng trong quản trị nhà trường, quản trị trường phổ thông;
- Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn đồng nghiệp trong quản trị nhà trường, quản trị trường phổ thông;
- Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

2.4. Chuẩn về năng lực

- Đảm nhiệm công tác quản lý, quản trị ở các cơ sở giáo dục phổ thông
- Đảm nhiệm công tác quản trị nhà trường từ cấp tổ chuyên môn, phòng trong cơ sở giáo dục phổ thông;
- Hướng dẫn, chủ trì các đề tài nghiên cứu về khoa học giáo dục, liên quan đến lĩnh vực quản lý;
- Nghiên cứu, phát hiện và giải quyết được các tình huống trong quản trị trường phổ thông

2.5. Yêu cầu đối với Đề án tốt nghiệp

- Là công trình nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến lãnh đạo, quản trị nhà trường phổ thông, quản trị các hoạt động trong trường phổ thông;

- Là công trình nghiên cứu độc lập của học viên, nội dung nghiên cứu đề cập và giải quyết trọn vẹn một vấn đề trong lĩnh vực hoạt động của trường phổ thông, vấn đề về quản trị cơ sở giáo dục;

- Đề án nghiên cứu tốt nghiệp được trình bày đúng mạch lạc, rõ ràng, đảm bảo về dung lượng, cấu trúc phù hợp theo quy định trong Quy chế đào tạo thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và qui định về đề án nghiên cứu tốt nghiệp của Học viện.

2.6. Vị trí/công việc có thể đảm nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp

- Đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các trường phổ thông, các thiết chế giáo dục tương đương, cơ quan quản lý giáo dục;

- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn của các trường THPT, THCS, Tiểu học (hoặc tương đương).

- Đảm nhiệm vị trí công tác của tổ Văn phòng, cán bộ công đoàn, Đoàn, Đội trong trường phổ thông.

- Giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tóm tắt về chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích luỹ **60 tín chỉ:**

- Khối kiến thức chung	**9** tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở ngành	**10** tín chỉ
+ Học phần bắt buộc	*8*
+ Học phần tự chọn (2/10)	*2*
- Khối kiến thức chuyên ngành	**26** tín chỉ
+ Học phần bắt buộc	*22*
+ Học phần tự chọn (4/12)	*4*
- Thực tiễn quản trị giáo dục phổ thông	**6**
- Đề án tốt nghiệp	**9** tín chỉ
Tổng số:	**60** tín chỉ

3.2. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Phân bổ (LT - ThH - TH)			Mã số các học phần tiên quyết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(6)
I. Khối kiến thức chung			**9**				
1	FOS 7001	Triết học *Philosophy*	4	35	15	10	
2	FLA 7001	Tiếng Anh cơ bản *(Ngoại ngữ cơ bản: Basic Foreign Language* *Chọn 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức)*	3	27	12	6	
3	FLA 7002	Tiếng Anh học thuật (chuyên ngành) *Academic English (for Education Management)*	2	20	7	3	FLA 7001
II. Khối kiến thức cơ sở ngành			**10**				
II.1. Học phần bắt buộc			***8***				
4	MAG 8028	Quản trị học *School of management*	2	16	8	6	
5	MAG 8029	Lãnh đạo tổ chức học tập *Leading Learning Organizations*	2	16	8	6	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Phân bổ (LT - ThH - TH)			Mã số các học phần tiên quyết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(6)
6	MAG 8030	Quản trị chiến lược trường phổ thông *Strategic management in the secondary school*	2	16	8	6	MAG 8028
7	MAG 8003	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục *Research Methodology in Education / educational research / research methods in education*	2	16	8	6	
II.2	***Học phần tự chọn (chọn 2/10 tín chỉ)***		***2/10***				
8	PSY 8001	Tâm lý học lãnh đạo, quản lý *Psychology in Leadership and Management*	2	16	8	6	MAG 8028
9	MAG 8004	Pháp luật về giáo dục *State regulation of Education / Education law*	2	16	8	6	MAG 8028
10	MAG 8009	Quan hệ công tư trong giáo dục *Public - Private Relation in Education/ Relationships in education/ personal and social relationships in education*	2	16	8	6	
11	MAG 8006	Kinh tế học giáo dục *Economics in Education*	2	16	8	6	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Phân bổ (LT - ThH - TH)			Mã số các học phần tiên quyết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(6)
12	MAG 8031	Ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong quản trị trường phổ thông *ICT in managing the secondary school*	2	16	8	6	
III.	**Khối kiến thức chuyên ngành**		**26**				
III.1. Học phần bắt buộc			***22***				
13	MAG 8032	Lãnh đạo nhà trường hiệu quả *Effective School Leadership/management*	2	15	9	6	MAG 8028
14	MAG 8033	Lý thuyết quản trị nhà trường *Theory of school management*	3	12	27	6	MAG 8028
15	MAG 8034	Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục trong trường phổ thông *Management of Teaching, Learning, and Educational activities in the Secondary School*	3	20	16	9	MAG 8028, MAG 8033
16	MAG 8035	Quản trị nhân sự trong trường phổ thông *Human Resourse Management in Secondary School*	2	15	9	6	MAG 8028, MAG 8033
17	MAG 8036	Quản trị tài chính, tài sản trong trường phổ thông	2	15	9	6	MAG 8028, MAG 8033

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Phân bổ (LT - ThH - TH)			Mã số các học phần tiên quyết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(6)
		Financial Managementand Property Management in the Secondary School					
18	MAG 8037	Quản trị hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong trường phổ thông *Management of Orientation Activities in the Secondary School*	2	15	9	6	MAG 8033
19	MAG 8038	Quản trị chất lượng trong giáo dục phổ thông *Quality Management in SecondaryEducation*	3	20	16	9	MAG 8033
20	MAG 8039	Quản trị phát triển chương trình giáo dục phổ thông. *Management of Curriculum Development in the Secondary School*	2	15	9	6	MAG 8033
21	MAG 8040	Đánh giá trong giáo dục phổ thông *Educational assessment*	3	20	16	9	MAG 8033
III.2. Học phần tự chọn (chọn 4/12 tín chỉ)			***4/14***				
22	MAG 8024	Xây dựng hệ sinh thái trong giáo dục *Development of Ecology in Education*	2	16	8	6	MAG 8033
23	MAG 8018	Xây dựng văn hóa nhà trường	2	16	8	6	MAG 8033

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Phân bổ (LT - ThH - TH)			Mã số các học phần tiên quyết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(6)
		School Culture Development					
24	MAG 8041	Quản lý và ứng phó tình trạng khẩn cấp trong trường phổ thông *Handling emergency situations in the Secondary School*	2	16	8	6	MAG 8033
25	MAG 8042	Giáo dục pháp luật trong trường phổ thông *Law Education in the Secondary School*	2	16	8	6	MAG 8033
26	MAG 8043	Lãnh đạo phát triển năng lực nghề nghiệp *Leading Professional Development*	2	16	8	6	MAG 8033
27	MAG 8025	Quản trị thương hiệu nhà trường *School brand management*	2	16	8	6	MAG 8033
28	MAG 8044	Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội và hội nhập giáo dục *Development of family, school, and community relationships and / integrated education/ Educational integration*	2	16	8	6	MAG 8033
IV		**Thực tế, thực tập**					
29	MAG 8045	**Thực tiễn quản trị giáo dục phổ thông**	**6**	10	60	20	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Phân bổ (LT - ThH - TH)			Mã số các học phần tiên quyết
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(6)
V	MAG 8046	**Đề án tốt nghiệp** *(Master's research project)*	**9**				Hoàn thành các học phần và các quy định khác theo quy chế
		Tổng số	**60**				

3.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu;
- Đã nộp lưu chiểu đề án theo Quy định của Học viện;
- Đạt trình độ ngoại ngữ chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ theo quy định, quy chế;
- Công bố công khai toàn văn đề án trên Website của Học viện Quản lý giáo dục;
- Hoàn thành các quy định và trách nhiệm khác của học viên theo Quy định của Học viện;
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập;

3.4. Kế hoạch đào tạo *(Dự kiến cho 01 khóa đào tạo)*

Thời gian	Nội dung công việc trong qui trình ĐT	Kết quả
Năm thứ 01 *Học kỳ 01 & 02*	- Tổ chức nhập học. - Khai giảng, tổ chức lớp. - Phổ biến qui chế đào tạo, kế hoạch khoá đào tạo, qui định về học tập, KT-ĐG và các qui định khác liên quan. - Tổ chức giảng dạy các học phần thuộc chương trình thạc sĩ. - Tổ chức giảng dạy các học phần - Định hướng Đề án tốt nghiệp cho học viên *(tháng thứ 12).*	- Hồ sơ nhập học. - Kế hoạch khóa học và triển khai kế hoạch đào tạo cho học viên. - Học viên hoàn thành các học phần và đạt kết quả yêu cầu của các học phần trong chương trình đào tạo.
Năm thứ 02 *Học kỳ 03*	- Tổ chức giảng dạy các học phần - Tổ chức tư vấn đánh giá đề cương Đề án tốt nghiệp cho học viên *(tháng thứ 2 của năm thứ 2).* - Giao đề tài Đề án tốt nghiệp và cử CBHD khoa học *(tháng thứ 3 của năm 2).* - Học viên triển khai thực hiện đề án *(tối thiểu 02 tháng).* - Thu Đề án tốt nghiệp và tổ chức cho học viên bảo vệ Đề án tốt nghiệp *(tháng thứ 5 & 6 của năm thứ 2).* - Xét công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ ứng dụng cho học viên hoàn thành các yêu cầu của chương trình đào tạo. - Tổ chức Lễ trao bằng thạc sĩ.	- Học viên hoàn thành, đạt kết quả yêu cầu học phần. - Đăng ký đề tài và triển khai thực hiện đề cương Đề án tốt nghiệp. - Báo cáo Đề cương Đề án tốt nghiệp trước tiểu ban đánh giá đề cương. - Quyết định giao đề tài cho học viên và CBHD. - Tổ chức các Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp. - Quyết định công nhận học vị, cấp bằng và tổ chức lễ trao bằng.

TÀI LIỆU XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Học viện Quản lý giáo dục (2021), Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị trường phổ thông;
2. Bộ GD và ĐT, Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.
3. Bộ GD và ĐT, Thông tư 17/2021/TT-BGD ĐT, ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

4. Bộ GD và ĐT, Thông tư 02/2021/TT-BGDĐT, ngày 4 tháng 4 năm 2017 về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành, đình chỉ hoạt động ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

5. Học viện Quản lý giáo dục, Quyết định số 253/QĐ-HVQLGD ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

6. Học viện Quản lý giáo dục (2022), Quyết định số 616/QĐ-HVQLGD ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Quản lý giáo dục.

7. Học viện Quản lý giáo dục, Hướng dẫn số 181/QĐ-HVQLGD ngày 5 tháng 4 năm 2022 về việc xây dựng, điều chỉnh, cập nhật chuẩn chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Học viện Quản lý giáo dục.

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2022

PHÊ DUYỆT CỦA BGĐ	PHÒNG ĐT SAU ĐẠI HỌC	KHOA QUẢN LÝ
	TS. Hà Thanh Hương	**TS. Trịnh Văn Cường**